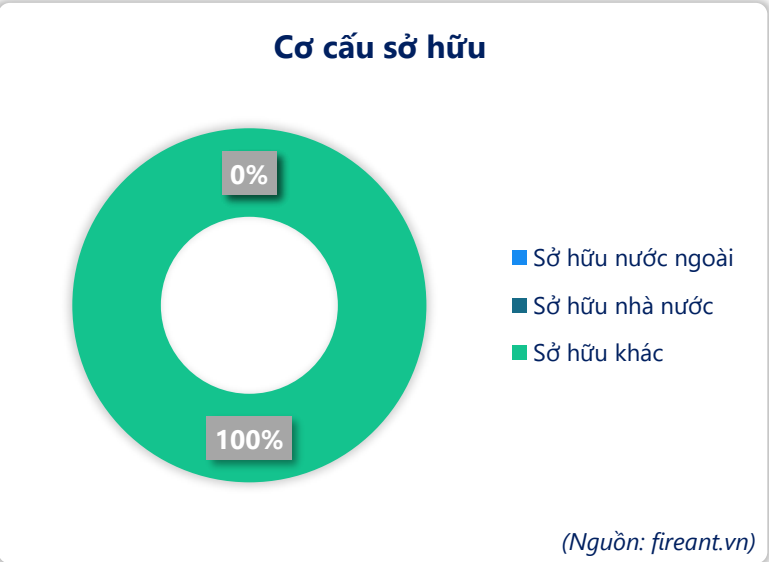
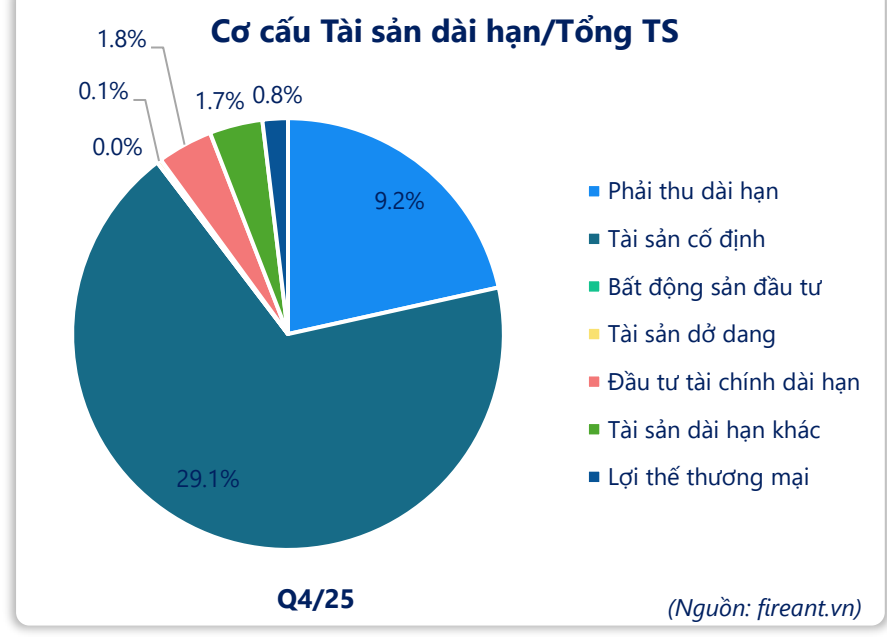
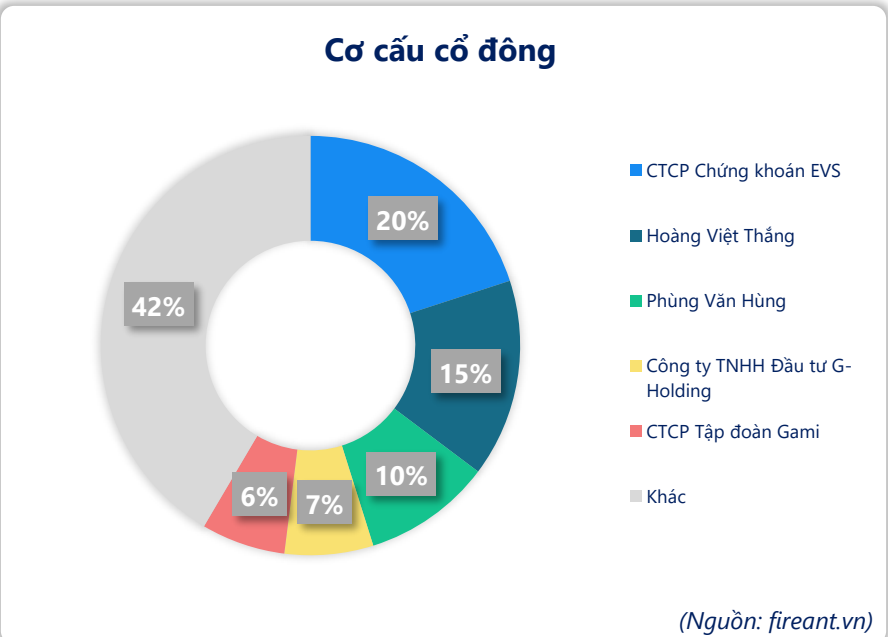
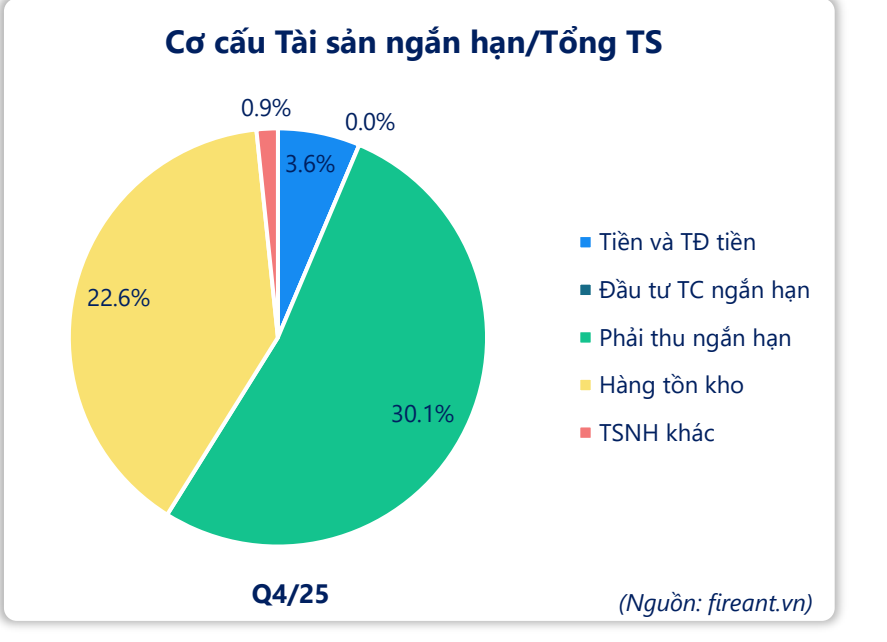
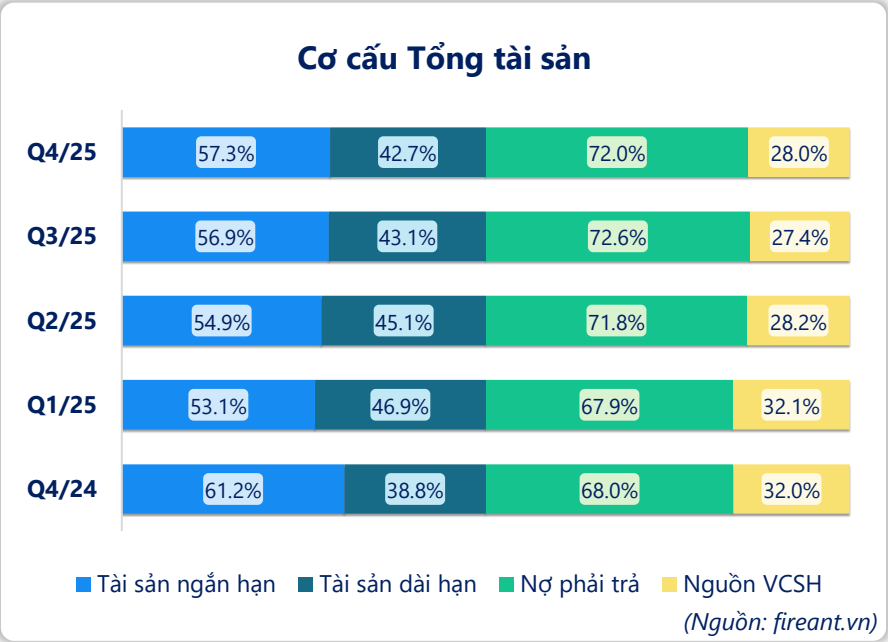


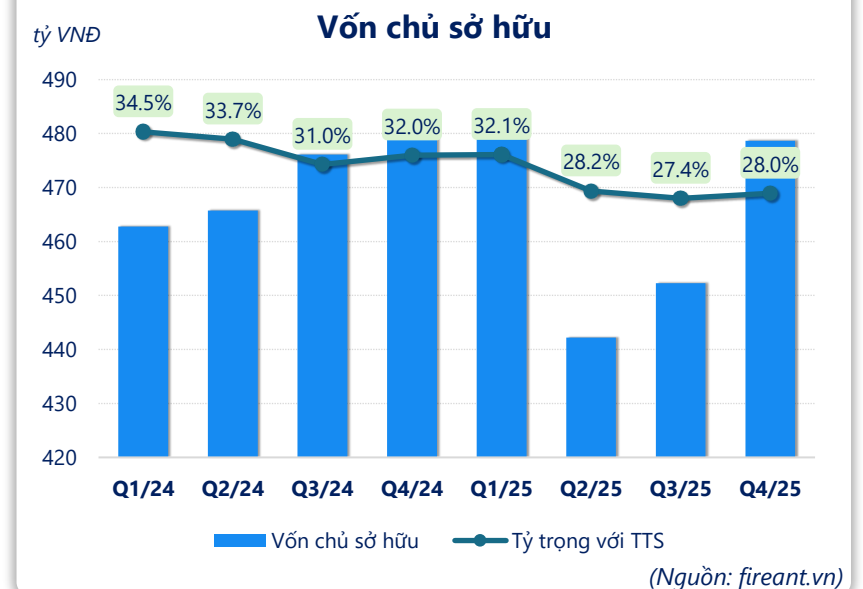
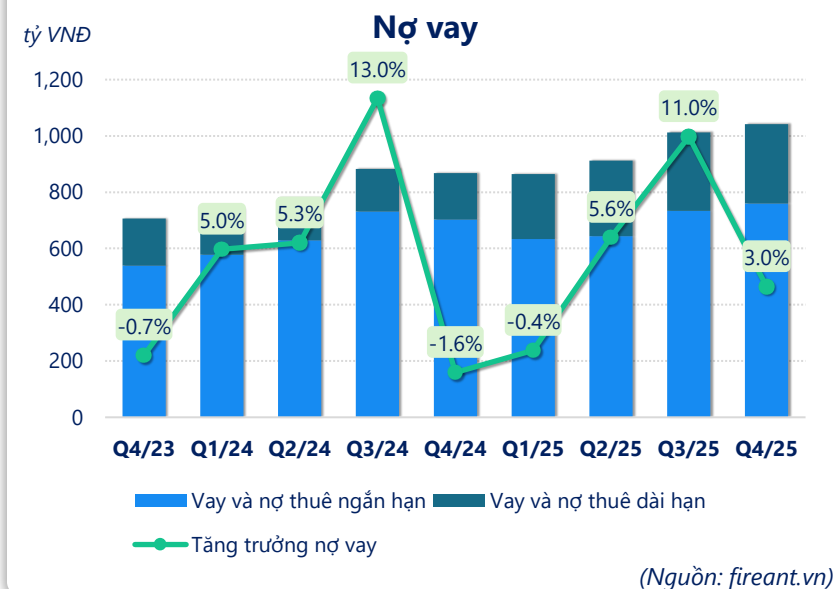
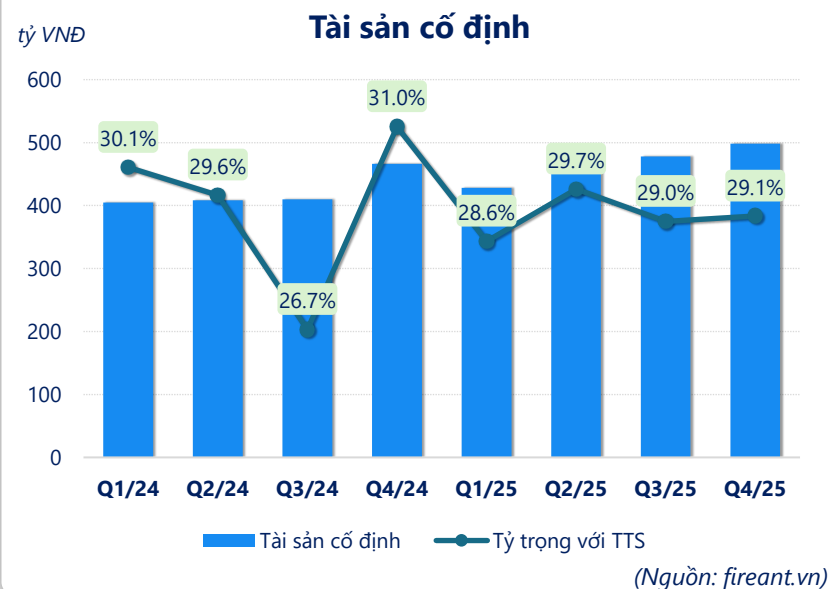
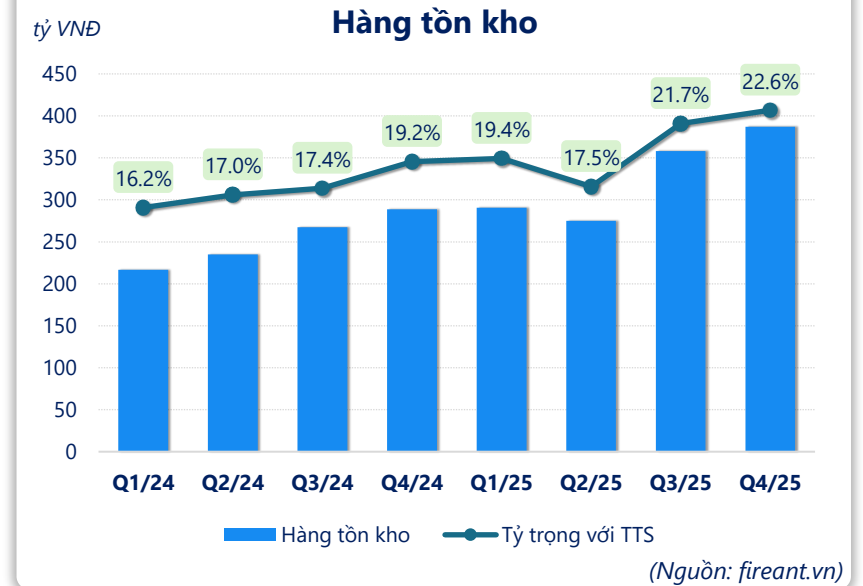
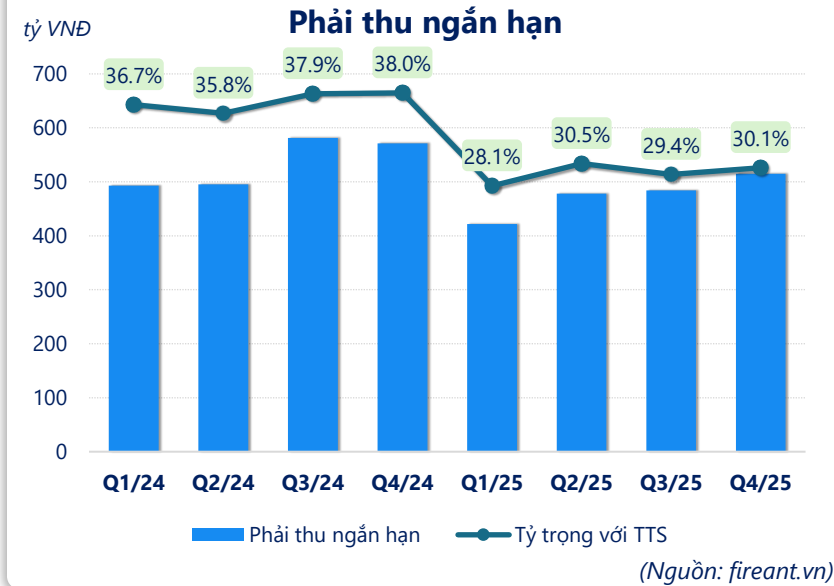
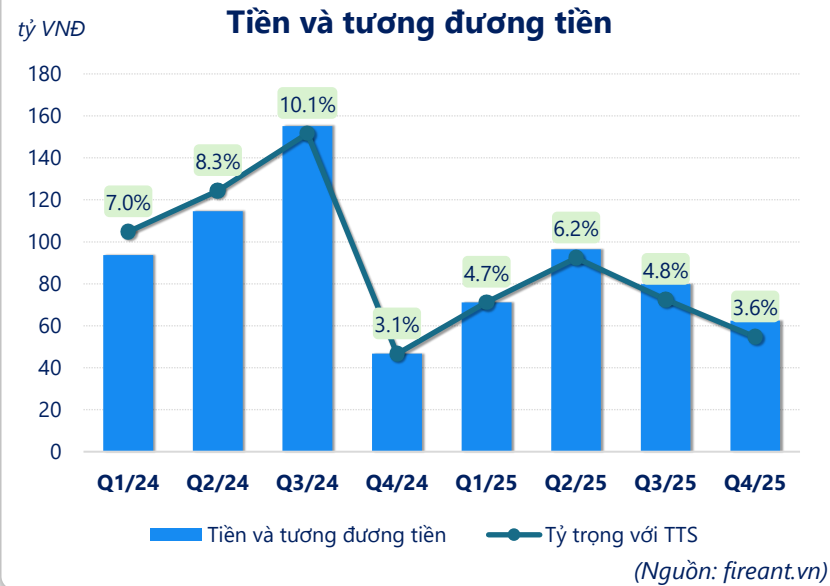
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		57,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		63,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,700
SL cổ phiếu LH		19,999,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)		85
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,140
P/E		57.7
EPS		987

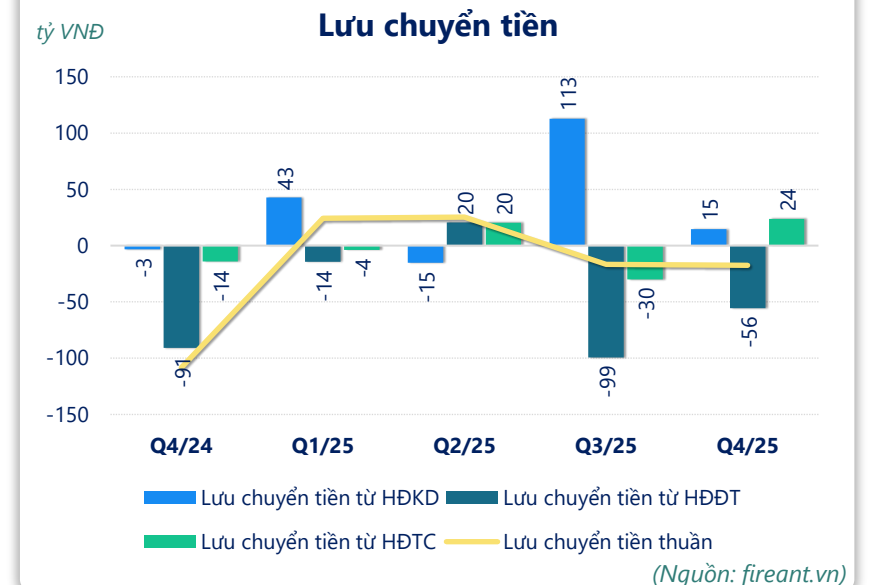
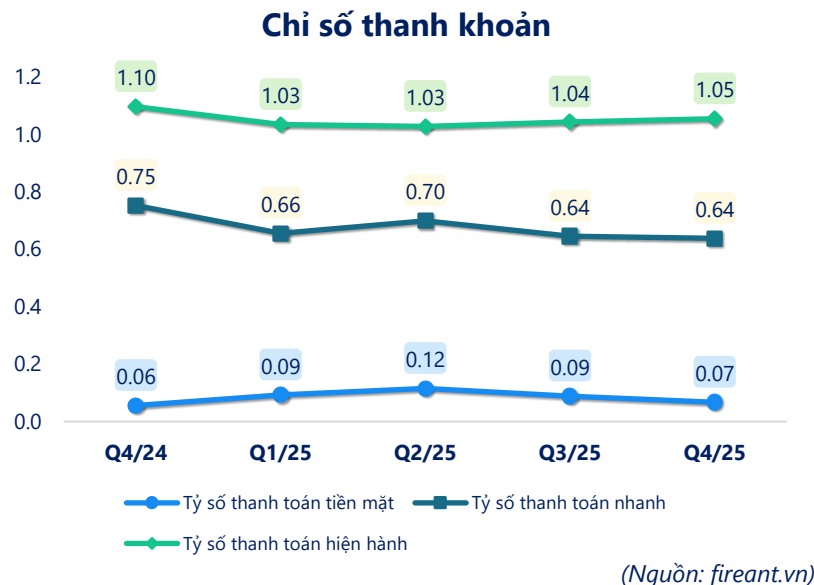
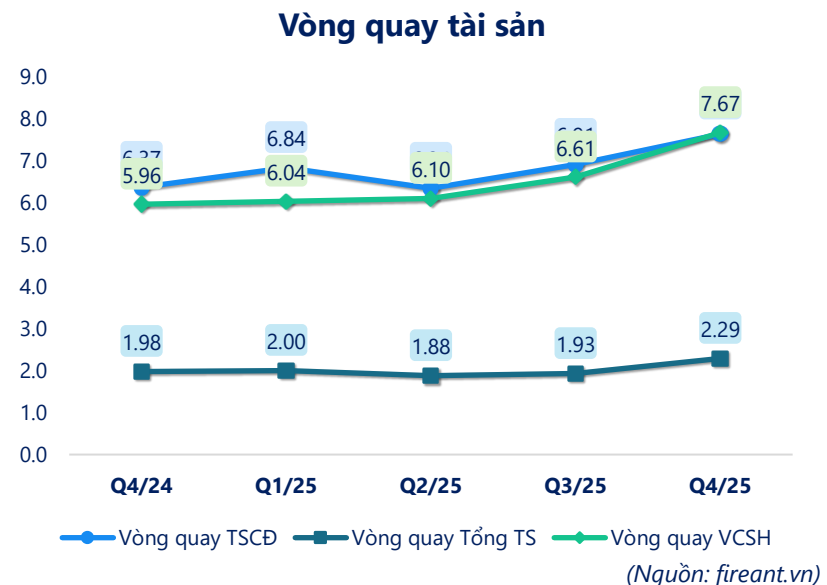
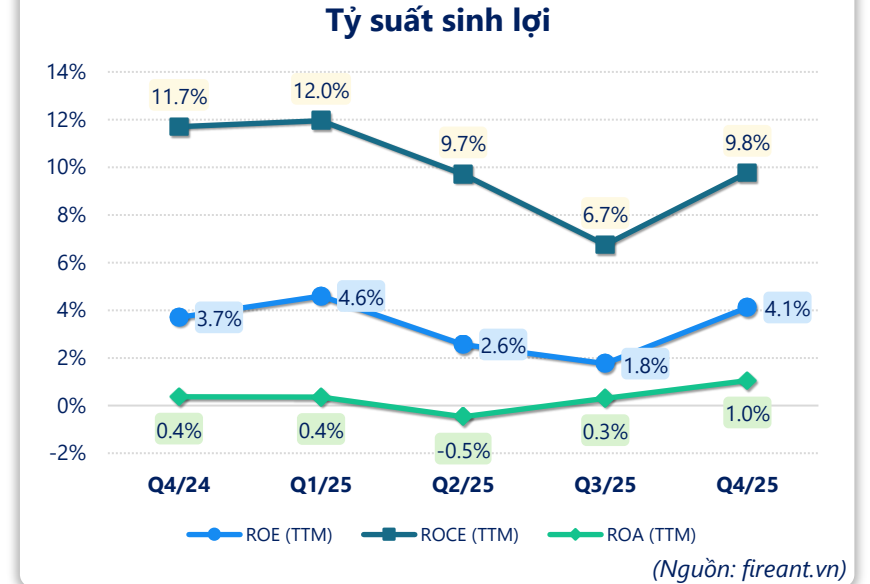
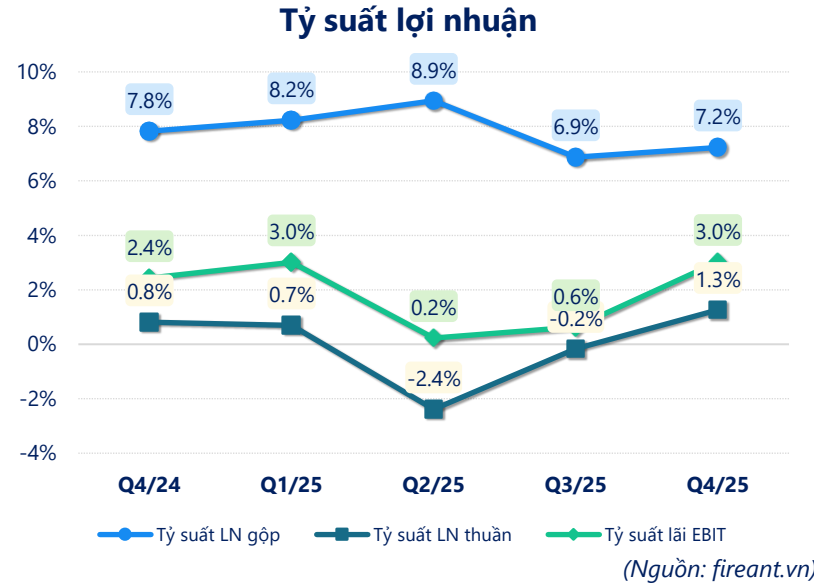
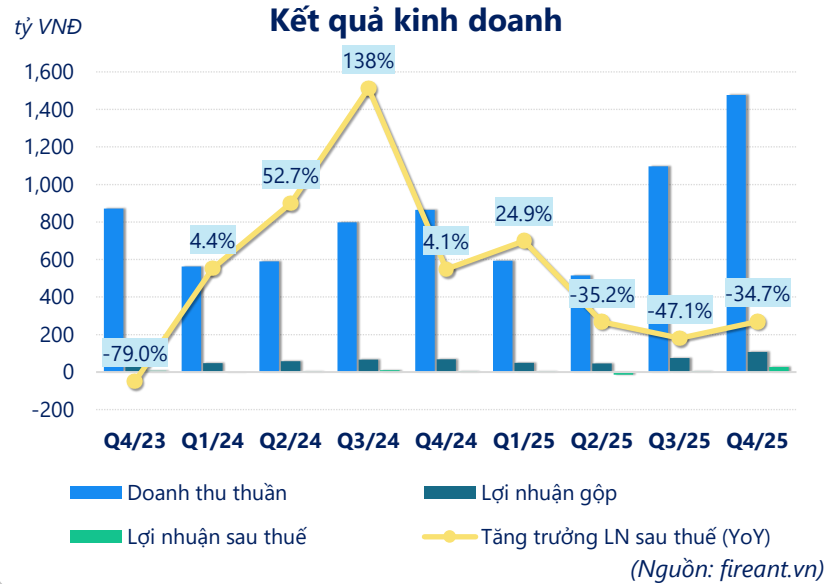
	YTD	1T	3T	6T
GMA	-10.3%	52.0%	33.2%	6.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP G-AUTOMOBILE (HNX: GMA)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,712	1,496	14.4%
Tài sản ngắn hạn	980	758	29.3%
Tiền và tương đương tiền	62.4	46.7	33.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	515	409	25.9%
Hàng tồn kho	387	289	34.0%
Tài sản ngắn hạn khác	16.1	13.5	19.3%
Tài sản dài hạn	732	738	-0.9%
Phải thu dài hạn	158	157	0.5%
Tài sản cố định	498	466	6.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.38	1.67	42.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.4	74.3	-59.1%
Tài sản dài hạn khác	29.1	29.1	0.1%
Lợi thế thương mại	13.9	10.5	32.6%
Nợ phải trả	1,233	1,019	21.0%
Nợ ngắn hạn	930	843	10.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	760	711	6.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.0	43.8	27.9%
Nợ dài hạn	303	175	72.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	282	157	80.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	479	477	0.3%
Vốn chủ sở hữu	479	477	0.3%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	864	594	515	1,096	1,476
Giá vốn hàng bán	797	545	469	1,020	1,369
Lợi nhuận gộp	67.7	48.9	46.1	75.3	107
Doanh thu HĐTC	-1.74	2.46	1.13	0.48	-1.30
Chi phí TC	14.2	13.8	14.1	15.3	17.3
Chi phí lãi vay	14.1	13.6	13.9	1.50	17.1
LN trong công ty LKLD	0.70	2.68	-1.48	-0.52	2.48
Chi phí bán hàng	23.6	16.4	19.6	30.9	39.6
Chi phí QLDN	21.8	19.7	24.3	30.9	32.4
LN thuần từ HĐKD	6.99	4.12	-12.3	-1.84	18.7
Lợi nhuận khác	-0.06	0.12	-0.42	7.24	8.88
LN trước thuế	6.93	4.24	-12.7	5.40	27.5
Lợi nhuận sau thuế	5.13	2.96	-13.2	4.06	26.4
LNST của CĐ cty mẹ	5.24	5.01	-6.92	4.84	16.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.26	42.7	-15.3	113	14.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-90.9	-14.5	20.5	-99.4	-55.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.2	-3.85	20.2	-30.0	23.7
Tiền đầu kỳ	155	46.7	71.1	96.4	79.8
Lưu chuyển tiền thuần	-108	24.4	25.3	-16.7	-17.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.7	71.1	96.4	79.8	62.4

(Nguồn: fireant.vn)